

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: 119/PPC-TCHC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 22 tháng 3 năm 2024

V/v Công bố thông tin
Báo cáo thường niên năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
2. Mã chứng khoán : PBP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A1-3, KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu
4. Điện thoại: (84) - 2913 957 555 Fax: (84) - 2913 957 666
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Nhuận

Địa chỉ thường trú: Khóm 1, Phường 7, TP. Bạc Liêu, Bạc Liêu.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84) - 2913 957 555

Fax: (84) - 2913 957 666

6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2023 (đính kèm).
7. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: www.pbp.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Thanh Nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát về Công ty	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
4. Định hướng phát triển	4
5. Các rủi ro.....	5
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2. Tổ chức và nhân sự.....	8
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	11
4. Tình hình tài chính	11
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	14
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	14
PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	19
1. Báo cáo của Ban Giám đốc.....	19
2. Tình hình tài chính	19
3. Kế hoạch phát triển tương lai.....	21
4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	22
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty ..	22
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty năm 2023.....	24
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc	25
PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
1. Hội đồng quản trị.....	28
2. Ban kiểm soát.....	32
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban điều hành.....	35

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát về Công ty

Thông tin chung

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam
Tên tiếng Anh	:	PETROVIETNAM PACKAGING JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	PPC
Giấy chứng nhận ĐKDN số	:	1900437757 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp lần đầu ngày 11 tháng 06 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 03 tháng 07 năm 2023
Vốn điều lệ	:	47.995.160.000 đồng
Địa chỉ	:	Lô A 1-3 Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Số điện thoại	:	(0291) 395.7555
Số fax	:	(0291) 395.7666
Website	:	http://pbp.vn
Mã cổ phiếu	:	PBP
Sàn chứng khoán	:	HNX

Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, có uy tín và vị thế trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì đóng gói và phân bón thông qua chiến lược phát triển bền vững.

Sứ mệnh

Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao. Đảm bảo lợi ích người lao động, khách hàng và nhà đầu tư.

Giá trị cốt lõi

Uy Tín: Xây dựng thương hiệu uy tín, đảm bảo minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trách nhiệm: Công ty luôn đặt tâm huyết và trách nhiệm cao nhất trong mỗi sản phẩm để giữ gìn hình ảnh tốt đẹp của thương hiệu cũng như niềm tin của khách hàng.

Thân thiện: Tất cả mọi hoạt động của Công ty đều theo hướng phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

Sáng tạo: Không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào quản lý, sản xuất nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng, đa dạng sản phẩm – dịch vụ hóa để đáp ứng nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước.

Văn hóa PPC

Uy Tín



Trách nhiệm



Thân thiện



Sáng tạo



Quá trình hình thành và phát triển

Những mốc lịch sử quan trọng	
Năm 2010	10/06/2010 Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam chính thức thành lập; 28/06/2010 Tổ chức lễ khởi công Dự án Nhà máy sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu tại Lô A 1-3 Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.
Năm 2011	Hoàn thành dự án, chuyển giao công nghệ. Ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm bao bì với Công ty Cổ phần Phân bón Dầukhí Cà Mau (PVCFC).
Năm 2012	Tháng 04/2012 Nhà máy sản xuất Bao bì chính thức đi vào hoạt động vận hành và chạy thương mại. Tháng 12/2012 PPC chính thức trở thành Công ty con của PVCFC.
Năm 2013	Công suất bao bì đạt 100% thiết kế.
Năm 2014	Vận hành và ghép thành công sản phẩm bao BOPP trên máy tráng.
Năm 2015	27/01/2015 Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán PBP.
Năm 2016	16/12/2016 Dự án Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu hoàn thành và đưa vào vận hành. PPC cán mốc 20 triệu sản phẩm thương mại cung cấp cho thị trường.
Năm 2017	Đưa sản phẩm phân bón N Humate + TE ra thị trường. PBP được cấp giấy chứng nhận ISO 9001:2015.
Năm 2018	Công ty tăng vốn lên 45.709.940.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 12%.
Năm 2019	PPC tiếp tục tăng vốn lên 47.995.160.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông. Công ty đã hoàn tất việc tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn và hiệu quả.
Năm 2020	Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh trước đại dịch Covid 19 và hạn xâm nhập mặn Tây Nam Bộ trước 05 ngày.
Năm 2021	Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh về đích 10 ngày; Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19.
Năm 2022	Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.
Năm 2023	Công ty vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh với lợi nhuận trước thuế 26%.

Một số thành tựu đạt được

Trải qua 13 năm hình thành và phát triển, PPC với sự nỗ lực bền bỉ, tinh thần đoàn kết của cả tập thể nhân sự, chiến lược phát triển bền vững cùng nền tảng công nghệ tiên tiến; Đến nay, Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì chất lượng cao tại Việt Nam, trong đó chủ lực là Bao PP dệt, PP tráng PE và BOPP ghép màng.

Năm 2015, PPC được nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương và Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về các thành tích xuất sắc trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2016, Công ty được nhận bằng khen của Thủ tướng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Năm 2019, PPC thực hiện tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Hơn thế nữa, Công ty đã chủ động triển khai, tổ chức xây dựng kênh phân phối kinh doanh phân bón riêng của PPC.

Năm 2020, Công ty được nhận bằng khen của Thủ tướng về giải thưởng chất lượng quốc gia; Nhận Cờ Thi đua của Tập Đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

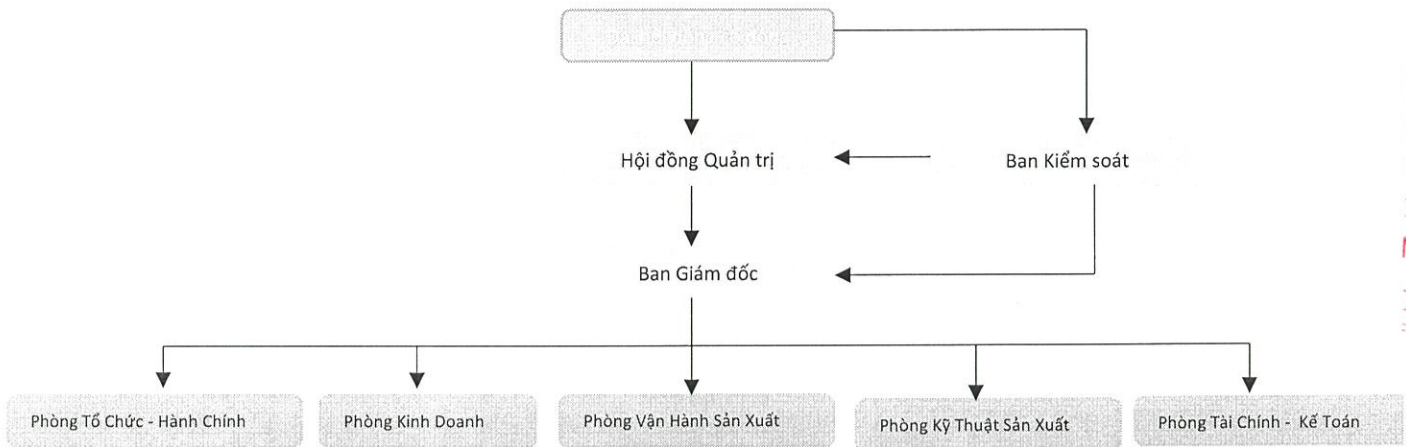
Sản xuất bao bì, kinh doanh chỉ may bao bì PP, PE, Cotton, bán buôn chất dẻo nguyên sinh, bán buôn phân bón, kinh doanh và in ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ cho ngành nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác, quảng cáo, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hành khách đường bộ khác, sản xuất phân bón và hợp chất nitơ

Địa bàn kinh doanh:

PPC hoạt động cung cấp sản phẩm trong nước và ngoài nước. Các địa bàn hoạt động kinh doanh chính: Cà Mau, TP. HCM, miền Tây Nam Bộ, miền Đông Nam Bộ.....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Sơ đồ bộ máy Công ty



Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần, Công ty tổ chức theo mô hình:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị (HĐQT): Là Cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.
- Ban Kiểm soát (BKS): Ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc, trong việc quản lý, điều hành công ty, trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính để đảm bảo tính trung thực, hợp pháp và hệ thống, nhất quán.

- Ban Giám đốc (BGĐ): Giám đốc là điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty.

4. Định hướng phát triển

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) (chiếm 51,03% cổ phần của PPC)

Vốn điều lệ: 5.294.000.000.000 đồng

Địa chỉ : Lô D, KCN Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Hoạt động kinh doanh chính của PVCFC là: sản xuất và kinh doanh phân bón

Công ty con, công ty liên kết: Không có.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Xây dựng bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả;

Vận hành an toàn, ổn định Nhà máy sản xuất phân bón và Nhà máy sản xuất bao bì đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Chủ động tổ chức các công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa 02 Nhà máy vận hành liên tục;

Luôn đáp ứng nhu cầu cả về số lượng lẫn chất lượng cho Khách hàng;

Quản lý các chi phí một cách hiệu quả nhằm đưa ra giá cả hợp lý, đảm bảo chất lượng cho Khách hàng;

Giữ vững thị phần trong nước và tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu;

Đầu tư máy móc thiết bị, nghiên cứu để đưa ra các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường;

Phát triển, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm phân bón;

Luôn gia tăng lợi ích cho người lao động và cổ đông Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ... trong ngành sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì, trong đó hoạt động sản xuất bao bì PP chất lượng cao làm lĩnh vực cốt lõi;

Tiếp tục phát triển mảng bao bì, dự kiến đạt sản lượng 25-30 triệu bao/năm;

Tăng thị phần mảng bao bì từ khách hàng bên ngoài tối thiểu 30%, bên cạnh đó đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm bao bì và phân bón sang Campuchia;

Đẩy mạnh gia công các sản phẩm phân bón mới cho PVCFC và các đối tác bên ngoài nhằm đảm bảo nhà máy đạt công suất tối đa.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

PPC luôn đặt mục tiêu sản xuất kinh doanh đi đôi với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng. Đặt trọng tâm vào công tác xã hội cũng như chăm lo, cải thiện đời sống vật chất lẫn tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên phối hợp với cơ quan chức năng địa phương và tổ chức xã hội nhằm thực hiện các chương trình cộng đồng để giúp đỡ các hoàn cảnh gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi, các mẹ Việt Nam Anh hùng,...

5. Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Năm 2023 vừa qua, kinh tế thế giới và Việt Nam đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức hơn cơ hội. Lạm phát đã giảm nhưng còn ở mức cao, lãi suất cao, căng thẳng địa chính trị dai dẳng và phức tạp, rủi ro tài chính - tiền tệ tăng trong tầm kiểm soát, an ninh năng lượng và an ninh lương thực chịu nhiều áp lực... khiến thương mại, tiêu dùng, đầu tư và tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại. Đối với Việt Nam, dù còn nhiều khó khăn song kinh tế năm 2023 đạt được nhiều kết quả tích cực, đáng ghi nhận và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao; vị thế và uy tín của Việt Nam được nâng cao.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2023 của cả nước ước tính tăng 5,05% so với năm trước, đưa quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD; GDP bình quân đầu người ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022.

Thu ngân sách nhà nước sau 2 năm (2021-2022) tăng khá đã đảo chiều và giảm đáng kể (-5,4%) trong năm 2023, chủ yếu là do ngoại thương giảm, doanh nghiệp còn khó khăn, làm thu hẹp dư địa chính sách tài khóa;

CPI bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022, thấp hơn mục tiêu đề ra (4-4,5%). Lạm phát cơ bản tăng 4,16% so với năm trước, thấp hơn mức 4,99% năm 2022 và giảm từ mức trên 5% hồi đầu năm 2023 cho thấy lạm phát trong xu hướng giảm khá bền vững.

PPC là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì với những khó khăn chung của nền kinh tế. Công ty luôn theo dõi sát tình hình diễn biến của tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới để có những kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh phù hợp, không bị động, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro pháp luật

Công ty đã niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội nên Công ty tuân thủ các chính sách, quy định theo đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Môi trường, Theo đó, Công ty luôn chủ động cập nhật và theo dõi các chính sách, chủ trương mới của nhà nước, luật pháp và thông lệ quốc tế để đưa ra mục tiêu, kế hoạch phù hợp với quy mô sản xuất của Công ty.

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Đặc thù ngành bao bì phải nhập khẩu 80-90% nguyên liệu đầu vào phụ thuộc giá dầu, khí thiên nhiên, than đá trên thế giới. Vậy nên khi có sự thay đổi của những yếu tố trên sẽ ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu nhựa, gây ra rủi ro đối với doanh nghiệp bao bì khi chưa thể điều chỉnh giá bán ra tăng tương ứng

Nguyên vật liệu đầu vào của PPC chủ yếu là hạt nhựa PP (Poly Propylen) chiếm phần lớn chi phí sản xuất kinh doanh. Do đó, sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Hiện nay, nguồn cung hạt nhựa PP của PPC phần lớn đến từ nhà máy lọc dầu Dung Quất, một phần nhỏ phải nhập khẩu từ Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan,... Mặc khác, nguyên liệu này là chế phẩm từ dầu khí DO vậy biến động giá dầu trong thời gian qua cũng tác động mạnh đến giá nguyên vật liệu đầu vào của PPC. Những năm qua, giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục biến động đã gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất bao bì nói chung và Công ty nói riêng.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chủ động nghiên cứu thị trường nhằm có chiến lược hợp lý trong việc mua dự trữ nguyên vật liệu đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm, đàm phán với các nhà cung cấp để ký được hợp đồng năm với mức giá và nguồn cung ổn định.

Rủi ro khác

Đồng USD tăng mạnh gây áp lực lớn lên tỷ giá hối đoái của Việt Nam. Để ổn định tỷ giá, thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phải can thiệp vào thị trường và bán ra một lượng lớn dự trữ ngoại hối. Tuy nhiên, nếu đồng USD tiếp tục mạnh lên, NHNN sẽ có ít nguồn lực hơn để can thiệp do

dự trữ ngoại hối đã mỏng hơn trước. Trong trường hợp xấu hơn, NHNN có thể phải tính đến việc tăng lãi suất điều hành, từ đó làm tăng chi phí kinh doanh và ảnh hưởng tiêu cực tới đà phục hồi kinh tế. Các rủi ro này có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023

Kinh tế thế giới tiếp tục xu hướng tăng trưởng giảm, lạm phát có chững lại nhưng vẫn ở mức cao, phục hồi chậm, cả tổng cung và tổng cầu khó khăn. Do vậy, nhiều thị trường lớn của Việt Nam đều gặp khó khăn về tăng trưởng. Các vấn đề liên quan năng lượng khi nguồn cung dầu thô thu hẹp, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực đặt ra.

Trong nước, nền kinh tế chịu "tác động kép" từ các yếu tố bất lợi bên ngoài (nhất là thị trường xuất nhập khẩu, chuỗi cung ứng, đầu tư, tiền tệ, tài chính...) và các hạn chế, tồn tại kéo dài nhiều năm bộc lộ rõ hơn trong khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023, PPC đã có những chính sách thực hiện đảm bảo vận hành sản xuất liên tục với kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2022	KH 2023	TH 2023	TH 2023/ KH 2023	TH 2023/ TH 2022
Sản lượng sản xuất						
Bao bì	Triệu bao	25,32	24,00	25,57	106,53%	100,98%
Phân bón	Nghìn Tấn	4,77	10,00	1,15	11,48%	24,09%
Sản lượng tiêu thụ						
Bao bì	Triệu bao	23,75	24,10	25,75	106,84%	108,45%
Phân bón	Nghìn Tấn	10,33	11,00	11,17	101,54%	108,12%
Doanh thu	Tỷ đồng	356,26	347,86	361,66	103,96%	101,52%
Bao bì	Tỷ đồng	210,17	216,41	219,10	101,25%	104,25%
Phân bón	Tỷ đồng	144,70	130,11	134,80	103,60%	93,16%
Doanh thu khác	Tỷ đồng	0,68		5,84		854,57%
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	0,71	1,35	1,91		
Thu nhập khác				0,01		
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,62	8,08	10,17	125,91%	118,04%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,75	6,46	8,02	124,10%	118,78%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	8,5	8,5			

- Năm 2023, Nhà máy Bao bì cung cấp bao bì một cách chủ động và đầy đủ, đảm bảo tiến độ, chất lượng cho hoạt động đóng gói sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau cũng như các khách hàng bên ngoài. Trong năm sản xuất đạt 25.567,83 nghìn bao đạt 106,53% KH năm 2023 và đạt 100,98% so với năm 2022, hoàn thành kế hoạch đề ra. Sản xuất phân bón thực hiện 1.148,16 tấn đạt 11,48% so với KH năm 2023 và bằng 24,09% so với năm 2022.

- Trong năm tiêu thụ đạt 25.752,25 nghìn bao đạt 106,84% so với KH năm 2023 và đạt 108,45% so với năm 2022, hoàn thành kế hoạch đề ra. Sản xuất phân bón thực hiện 11.169,58 tấn đạt 101,54% KH năm 2023 và đạt 108,12% so với năm 2022.

- Doanh thu thực hiện trong năm 2023 đạt 361,66 tỷ đồng đạt 103,96% so với KH năm 2023 và đạt 101,52% so với năm 2022, hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2023 thực hiện đạt 10,17 tỷ đồng cao hơn 25,91% so với KH năm 2023 và cao hơn 18,04% so với năm 2022, hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 thực hiện 8,02 tỷ đồng cao hơn 24,10% với KH năm 2023 và cao hơn 18,78% so với năm 2022, hoàn thành kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Điều hành

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thời gian
1	Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/01/2019 Tái bổ nhiệm ngày 22/01/2024
2	Ông Trịnh Tiến Sỹ	Phó Giám đốc	Hết nhiệm kỳ ngày 25/3/2023
3	Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26/5/2022
4	Ông Lê Cảnh Khánh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 06/6/2023
5	Ông Trần Minh Nhất	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 06/6/2023

Sơ yếu lý lịch của các Thành viên Ban điều hành

ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN - GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 13/08/1975

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
Từ 06/1997 đến 08/2001	Kỹ sư vận hành Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí
Từ 08/2001 đến 03/2005	Kỹ sư cơ khí, Phòng kỹ thuật Ban quản lý dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Từ 03/2005 đến 04/2008	Tổ trưởng tổ Cơ khí, Phòng Cơ điện - Tự động hóa Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty CP
Từ 04/2008 đến 09/2008	Phó phòng kỹ thuật Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty CP
Từ 09/2008 đến 07/2011	Giám đốc Xưởng sửa chữa Cơ khí tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty CP
Từ 07/2011 đến 08/2012	Phó Giám đốc kỹ thuật, Phó Giám đốc phụ trách Công ty CP Bảo dưỡng & Sửa chữa công trình Dầu khí - Chi nhánh miền Nam
Từ 08/2012 đến 05/2013	Phó trưởng Ban Quản lý bảo dưỡng Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 05/2013 đến 02/2016	Trưởng ban Quản lý bảo dưỡng Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 02/2016 đến 10/2017	Phó Giám đốc Nhà máy Đạm kiêm Trưởng ban Quản lý bảo dưỡng tại Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 10/2017 đến 01/2019	Phó trưởng Ban Kế hoạch đầu tư Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 06/2018 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 01/2019 - nay	Giám đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện	577.355 cổ phiếu tương ứng 12,03% vốn điều lệ

ÔNG NGUYỄN THANH NHUẬN - PHÓ GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 02/03/1981

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện - Điện tử
Quá trình công tác	
Từ 01/2006 - 04/2011	Kỹ sư Điện - Điện tử Công ty TNHH Thủy sản NiGiCo
Từ 04/2011 - 03/2012	Kỹ thuật viên - Trưởng ca sản xuất Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 03/2012 - 06/2012	Tổ trưởng Tổ Bảo trì - Sửa chữa Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2012 - 09/2012	Phó Quản đốc phụ trách kỹ thuật Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 09/2012 - 04/2015	Trợ lý Giám đốc - Kiểm Trưởng Bộ phận QLCL - Bảo dưỡng Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 04/2015 - 10/2015	Phó Phòng TC - HC Kiểm Trưởng Bộ phận Kỹ thuật - Sản xuất Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 10/2015 - 04/2016	Trưởng Phòng Quản trị - Kỹ Thuật Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 04/2016 - 03/2019	Phó Giám Đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 03/2019 - 02/2020	Phó Giám Đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam - Phụ trách Phòng Vận hành sản xuất
Từ 02/2020 - nay	Phó Giám đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

ÔNG TRẦN MINH NHẤT - PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Năm sinh: 02/02/1992

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
Quá trình công tác	
Từ 08/2015 - 05/2018	Chuyên viên kế toán Công ty CP du lịch Bạc Liêu
Từ 03/2019 - 10/2020	Chuyên viên Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Bạc Liêu
Từ 07/2021 - 06/2023	Chuyên viên kế toán Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 06/06/2023 - nay	Phụ trách kế toán, Phó phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

Thay đổi Thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành:

Stt	Nghị quyết/ Quyết định	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
01	Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHCĐ, ngày 08/06/2023	Ông Vũ Chí Dương	Trưởng Ban Kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 08/06/2023
02	Nghị quyết số: 01/NQ-PPC-BKS, ngày 08/06/2023	Ông Lê Cảnh Khánh	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 08/06/2023
03	Quyết định số: 04/QĐ-PPC-HĐ, ngày 05/06/2023	Ông Trần Minh Nhất	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 06/06/2023

Cơ cấu nhân sự

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	217	100,00%
	- Cao đẳng, đại học, trên đại học	46	21,20%
	- Trung cấp chuyên nghiệp	16	7,37%
	- Sơ cấp chuyên nghiệp	9	4,15%
	- Phổ thông và công nhân kỹ thuật	146	67,28%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	217	100,00%
	- Hợp đồng có xác định thời hạn	133	61,29%
	- Hợp đồng không xác định thời hạn	84	38,71%
	- Hợp đồng theo thời vụ (công nhất)	0	0,00%
	- Hợp đồng thử việc	0	0,00%
III	Theo độ tuổi	217	100,00%
	- Dưới 30 tuổi	29	13,36%
	- 30-39 tuổi	114	52,54%
	- 40-49 tuổi	65	29,95%
	- 50-55 tuổi	9	4,15%
IV	Theo giới tính	217	100,00%
	- Nam	143	65,90%
	- Nữ	74	34,10%

Chính sách nhân sự

Con người là nhân tố quan trọng trong quá trình hoạt động và phát triển của Công ty. Ngoài nhiệm vụ nâng cao hiệu quả kinh doanh, Công ty còn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV, cụ thể:

- Công ty đã xây dựng các chương trình đào tạo, phát triển nhân viên ở từng cấp bậc phù hợp với từng vị trí nhằm đảm bảo cung cấp kỹ năng và kiến thức cần thiết để có thể hoàn thành nhiệm vụ.
- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với CBCNV theo quy định của Pháp luật (BHXH, BHYT, BHTN theo tiền lương thực nhận), duy trì các hoạt động tổ chức đoàn thể (Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên). Ngoài ra Công ty còn thực hiện tốt các chính sách liên quan người lao động như Bảo hiểm tai nạn con người (24/24), khám sức khỏe định kỳ, duy trì trợ cấp nghỉ việc cho các cán bộ hưu trí, nâng lương, thưởng định kỳ các ngày Lễ trong năm; xét thưởng hàng Quý, thưởng thi đua 6 tháng một lần, CBCNV được tham gia các chương trình đào tạo trong nước.
- Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho CBCNV.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao rèn luyện sức khỏe của nhân viên được Ban lãnh đạo Công ty khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi thông qua các giải nội bộ, giao hữu và thi đấu bóng đá, bóng bàn. Các hoạt động được tổ chức bài bản, giúp nhân viên rèn luyện

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Năm 2023, Công ty PPC đã triển khai hoạt động đầu tư chi tiết như sau:

- Thực hiện đầu tư mới 12 máy dệt phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Bãi tập kết nguyên vật liệu có mái che: tiến độ các phần công việc đạt 4/5 gói thầu đã hoàn thành, đạt 80% kế hoạch.

4. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

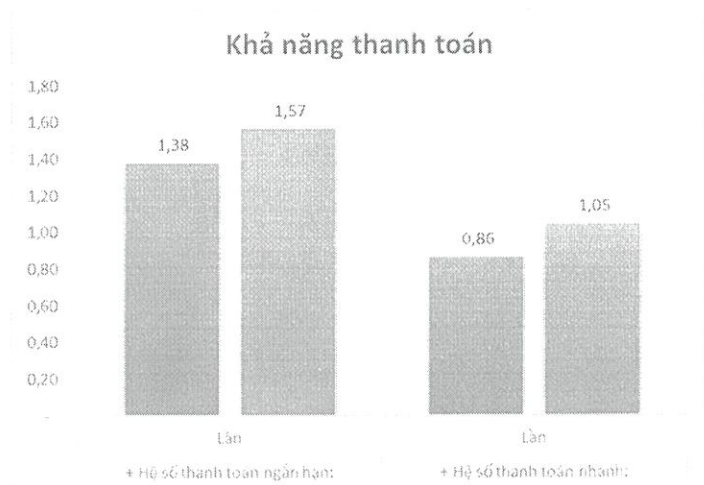
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2022	TH 2023	TH 2023/ TH 2022
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	138,81	125,07	90,10%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	355,55	359,73	101,18%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	8,63	10,16	117,77%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	-0,01	0,01	254,95%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,62	10,17	118,04%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,75	8,02	118,78%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	60,42%	50,86%	84,19%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

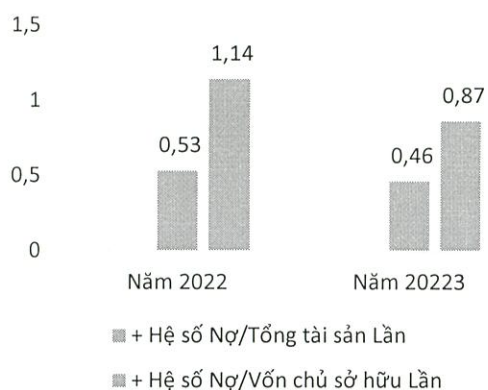
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,38	1,57
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,86	1,05
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,53	0,46
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,14	0,87
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	8,70	9,93
+ Vòng quay tổng tài sản	Lần	2,95	2,73
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,02	0,02
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,11	0,12
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,06	0,06
+ Tỷ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,02	0,03

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty cải thiện đáng kể, tuy nhiên khả năng thanh toán nhanh tăng. Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,86 lần (năm 2022) lên 1,05 lần (năm 2023) do tài sản ngắn hạn giảm từ 100,48 xuống 86,18 tỷ và hàng tồn kho giảm từ 37,60 tỷ xuống 28,94 tỷ. Như vậy, các chỉ số cho thấy tình hình tồn kho tối ưu và khả năng thanh toán đảm bảo.



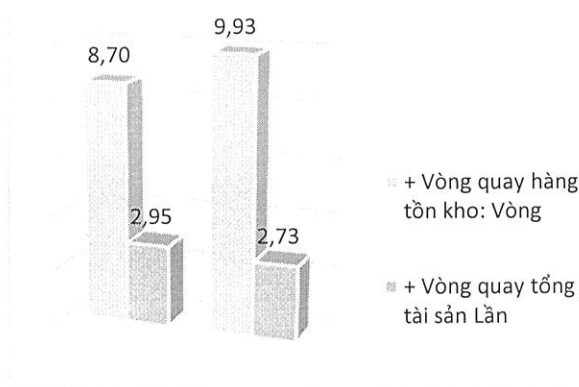
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Nhìn chung, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty tương đối ổn định, các chỉ tiêu này giảm so với năm 2022. Việc giảm này do năm 2023 người mua trả tiền trước ngắn hạn và giảm nợ vay ngân hàng và giảm lượng hàng tồn kho, điều này cho thấy PPC đang dần giảm mức độ phụ thuộc vào các khoản nợ vay để giảm bớt áp lực chi trả lãi vay trong tình hình thị trường không thuận lợi như hiện nay.

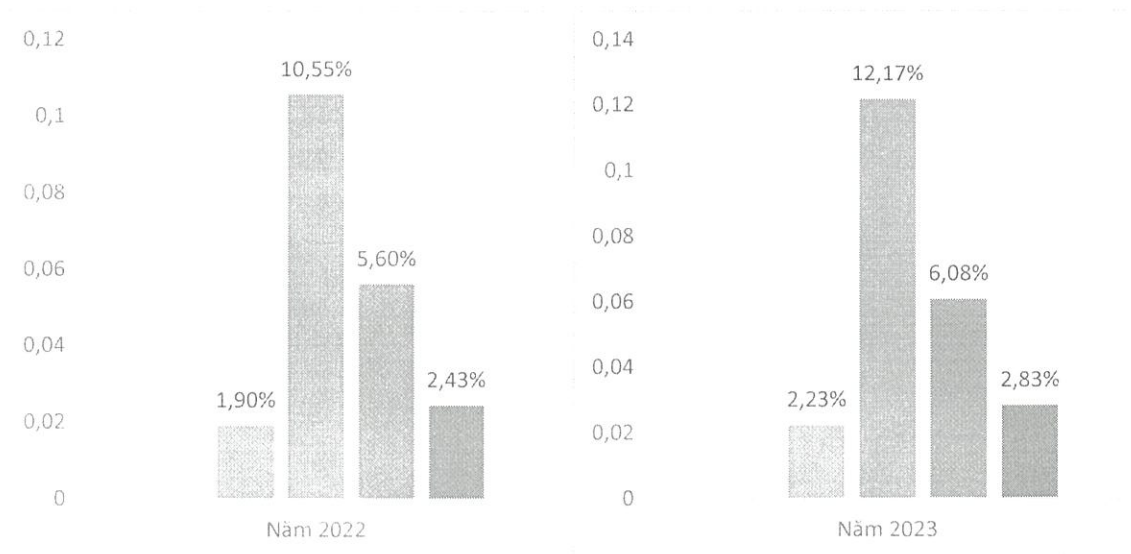
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Giá vốn hàng bán năm 2023 giảm hơn 0,2% so với năm 2022 và hàng tồn kho năm 2023 giảm hơn 24% so với năm 2022 đã làm cho vòng quay hàng tồn kho của PPC tăng từ 8,70 vòng (năm 2022) lên 9,93 vòng (năm 2023). Như vậy, hiệu suất sử dụng vốn ở mức trung bình. Việc duy trì tồn kho tối ưu bao gồm cả nguyên vật liệu và thành phẩm sẽ giúp Công ty chủ động hơn trong sản xuất, đáp ứng kịp thời cho khách hàng khi thị trường có sự hồi phục trở lại. Vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ, cho thấy PPC vẫn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối hiệu quả.



Hệ số khả năng sinh lời

Do tình hình chung của ngành trong năm 2023 không thuận lợi nhưng chỉ tiêu về tỷ suất LNST/VCSH và tỷ suất LNST/Tổng TS tăng cao hơn năm 2022 do PPC đẩy mạnh công tác bán hàng.



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu tại ngày 31/12/2023

- Vốn điều lệ công ty: 47.995.160.000 đồng
- Tổng cổ phiếu phát hành: 4.799.516 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.799.516 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/10/2023

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ đông trong nước	486	4.792.811	99,86%
-	Tổ chức	3	2.802.167	58,38%
-	Cá nhân	483	1.990.644	41,48%
2	Cổ đông nước ngoài	5	6.705	0,14%
-	Tổ chức	2	5.505	0,11%
-	Cá nhân	3	1.200	0,03%
	Tổng cộng	491	4.799.516	100,00%

Tình hình thay đổi vốn điều lệ

Trong năm 2023, PPC không thay đổi vốn điều lệ.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Là một Công ty sản xuất thì trong quá trình hoạt động đều có tác động tích cực và tiêu cực đối với môi trường. Do đó, Ban Lãnh đạo Công ty luôn yêu cầu mọi CBCNV phải có ý thức quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý đảm bảo hoạt động sản xuất hiệu quả, vừa tiết kiệm chi phí đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.

Tác động lên môi trường:

(Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp; Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính)

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp: 203,38 tấn CO₂tđ

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp: 3.501,95 tấn CO₂tđ

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission: Sử dụng 02 xe nâng điện thay cho xe nâng dầu.*

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình sản xuất Bao bì của Công ty, lượng phế phẩm được tái chế sử dụng lại hơn 60%. Với ngành nghề sản xuất bao bì thì việc tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế góp phần tiết kiệm chi phí đáng kể của Công ty. Để hạn chế lượng phế phẩm mức tối thiểu, Ban lãnh đạo Công ty luôn luôn khuyến khích CBCNV tăng cường sáng tạo cải tiến trong sản xuất, giảm thiểu tối đa lượng phế phẩm trong sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận đầu ra.

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Sản xuất phân bón:

Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng
Axit Humic	kg	127.607
SA	kg	168.416
Ure phé	kg	415.200
Phụ gia	kg	231.834
Bột Talc	kg	7.180
Chỉ may PE C900(PB Humate)	kg	27
Dung môi mực in (PB Humate)	l	3
Mực in (máy in HiCoder) (PB Humate)	l	2
Dầu DO (PB Humate)	l	29.295
Xăng thơm (PB Humate)	l	10

- Sản xuất bao bì:

Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng
Hạt nhựa PP	kg	2.737.125
Hạt nhựa PE	kg	1.077.933
Hạt màu	kg	8.575
Phụ gia	kg	3.100
Dung môi	kg	35.042
Mực in	kg	17.307
Nhiên liệu phụ (dầu máy)	l	3.300
Vải manh PP	kg	42.324
Chỉ may PP	kg	31.916
Cuộn PE	kg	12.012
Taical	kg	156.942
Chất tẩy trắng	kg	150
Màng mờ	m2	6.527.756
Dây Nilon cột bao	kg	3.110
Tấm Carton	cái	12.918
Nhớt các loại	l	312

Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng
Dầu động cơ xe nâng Komatsu	l	40
Dầu hộp số xe nâng Komatsu	l	20
Dầu thắng (xe nâng)	lít	8
Dầu máy nén khí Hitachi (dùng chung)	lít	40
Mỡ bò	kg	61
Dầu thủy lực	lít	60

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Sản xuất bao bì: lượng nhựa được tái chế được sử dụng để sản xuất chiếm 60,11% (sản lượng tái chế 151.362kg, sử dụng 90.991kg).

Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

Định mức điện: đối với Nhà máy Bao bì định mức tiêu hao điện năng là 0,96 kWh/kg sản phẩm; đối với Nhà máy Phân bón định mức tiêu hao điện năng là 0,055 kWh/kg. Giá điện: 1.992 đồng/Kwh.

Định mức dầu DO cho Nhà máy Phân bón: 21 lít/tấn.

- Điện: Nhà máy bao bì 4.025.300 kWh, Nhà máy phân bón 115.100 kWh

- Dầu DO (Diesel oil): 29.295 lít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy:*

Lượng tiêu thụ năng lượng chủ yếu của Công ty là năng lượng điện, dầu DO. Là một doanh nghiệp sản xuất thường xuyên vận hành các máy móc có công suất lớn đòi hỏi mức điện năng tiêu thụ rất lớn. Do đó, Công ty luôn đưa ra các biện pháp tiết kiệm năng lượng tại các dây chuyền sản xuất trong nhà máy.

Ngoài ra, Công ty cũng đưa ra các hành động thiết thực như hưởng ứng giờ trái đất, thực hiện hành động tắt điện khi không sử dụng, tổ chức tập huấn hướng dẫn công nhân viên những kiến thức về nguyên lý hoạt động, công nghệ vận hành, giải pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm năng lượng trong các hệ thống, kỹ thuật vận hành an toàn, hiệu quả và tiết kiệm,... Từ đó, góp phần nâng cao kiến thức quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm cho công nhân và cán bộ quản lý, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Song song đó, Công ty chú trọng đầu tư các thiết bị mới, duy tu, sửa chữa các thiết bị cũ, hòng giảm thiểu mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives. Không có*

Tiêu thụ nước

Nguồn nước Công ty sử dụng được lấy từ 02 nguồn: Nhà máy cấp thoát nước và nguồn nước ngầm, được đấu nối hệ thống cấp thoát nước của Khu công nghiệp nhằm kiểm soát chặt chẽ nguồn nước đảm bảo an toàn môi trường.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. Có tái chế, tái sử dụng nước ở khâu sọi, tráng của NMBB (tháp giải nhiệt), hệ thống xử lý bụi của NMPB (hệ thống dập bụi) nhưng không đo lường được.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tuân thủ luật pháp về môi trường là cam kết hàng đầu của Công ty. Trong năm 2023, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường như: Thực hiện đầy đủ 02 đợt quan trắc môi trường định kỳ cho cả 02 Nhà máy; Kết quả các thông số quan trắc đều đạt dưới ngưỡng quy chuẩn; Thực hiện ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại; Thực hiện báo cáo định kỳ đầy đủ và kịp thời cho các cơ quan, ban ngành.

Bên cạnh đó, áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường là một hướng đi kiên quyết đối với mọi dự án mới triển khai. Công ty đã bước đầu áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

Công ty tích cực tham gia hưởng ứng và duy trì các hoạt động bảo vệ môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp”. Thực hành tiết kiệm năng lượng điện, nước,... giảm lượng nước thải, rác thải ra môi trường. Duy trì an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy của Công ty và trong khu vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment. Không có*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment. Không có*

Chính sách liên quan đến người lao động

Thu nhập bình quân của người lao động (không bao gồm Ban Điều hành Quản lý)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động	Người	215	217
Thu nhập bình quân	triệu đồng /tháng/người	10,13	11,27

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động: tuân thủ số giờ lao động/ngày và số ngày làm việc/tuần. CNNV nữ được nghỉ các chế độ trước và sau thai sản. Đời sống tinh thần của người lao động cũng được chú trọng như: chế độ du lịch, sinh nhật, tết....

Chính sách đào tạo

Công ty luôn đề cao và coi trọng lao động vì đó là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thành công trong các hoạt động của PPC. Năm 2023 Công ty đã tập trung thực hiện các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài nhằm nâng cao tay nghề chuyên môn người lao động. Chính sách đào tạo của Công ty được thực hiện theo kế hoạch từng phần công việc, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân phát huy khả năng của mình để đảm nhiệm những vị trí cao hơn.

Chính sách lương, thưởng

Xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng công việc, đảm bảo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trong cùng ngành, nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

Thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc của người lao động. Định kỳ hằng năm xét nâng lương, nâng bậc cho những cá nhân có thành tích tốt trong công tác.

Công ty luôn thực hiện khen thưởng cho những cá nhân và tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc các đóng góp mà hội đồng khen thưởng Công ty xét thấy hợp lý.

Năm 2023 PPC đã thực hiện lương và các khoản thưởng: lương tháng 13, thưởng các dịp lễ tết Dương lịch, tết Âm lịch, 30/4, 1/5, 2/9... hoàn thành kế hoạch năm....

Chính sách phúc lợi, đãi ngộ

Tất cả CBCNV Công ty đều được đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định. Các chế độ phụ cấp như: độc hại, kiêm nhiệm, chức vụ,... đều được thanh toán đầy đủ kịp thời theo từng kỳ lương.

PPC thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, còn có bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PVI, bảo hiểm tai nạn cá nhân, bảo hiểm hưu trí

Công đoàn Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của các CBCNV. Thường xuyên có trợ cấp cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị ốm đau, bệnh tật,... nhằm động viên kịp thời CBCNV và người thân trong gia đình, thể hiện nghĩa tình của Công ty với người lao động.

Định kỳ hằng năm, Công ty đều tổ chức cho toàn thể CBCNV khám sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, tổ chức cho các CBCNV đi du lịch, nghỉ mát,...

Trách nhiệm đối với cộng đồng

Phát triển bền vững không chỉ từ nội tại doanh nghiệp mà còn từ cộng đồng, xã hội. Các hoạt động thiện nguyện không chỉ dừng lại ở xây dựng hình ảnh mà còn là chính sách của Ban lãnh đạo Công ty luôn hướng đến cộng đồng, xã hội vì mục tiêu chung ổn định và phát triển.

Bên cạnh đó, Công ty luôn ưu tiên tạo công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương.

Chính sách trợ cấp thường xuyên và trợ cấp đột xuất: hỗ trợ người dân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, như trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, ... bằng cách cung cấp tiền mặt, dịch vụ, hàng hóa, ...

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo của Ban Giám đốc

Trong năm 2023, những thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, như

Thuận lợi:

- Nhiều chính sách của Chính phủ được ban hành tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ Doanh nghiệp: giãn thuế, tiền thuê đất, giảm một số loại thuế, phí, giảm lãi suất cho vay
- Lạm phát cơ bản ổn định, một số ngành nghề được thúc đẩy tăng trưởng tạo cân đối cho nền kinh tế, xuất khẩu gạo trong nước tăng trưởng
- PPC luôn nhận được quan tâm chỉ đạo của cấp Lãnh đạo PVCFC và sự phối hợp của Nhà máy, các Ban/VP PVCFC

Khó khăn:

- Bức tranh tình hình kinh tế Thế giới còn diễn biến xấu, đà phục hồi và tăng trưởng kinh tế chậm
- Tình hình xuất khẩu trong nước gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt là ngành bao bì, nông sản làm tăng yếu tố cạnh tranh trong nước
- Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp làm giảm nhu cầu về bao bì và phân bón

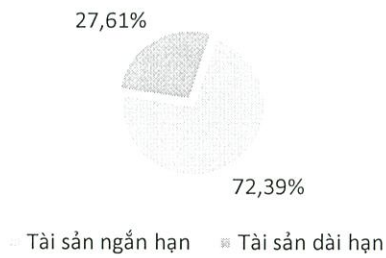
2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

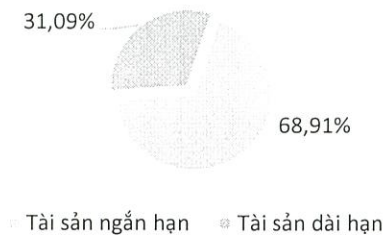
Cơ cấu tổng tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2022	31/12/2023
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	100,48	86,18
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	10,41	22,54
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	2,09	4,12
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	37,60	28,60
Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	0,38	0,91
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	38,33	38,89
Tổng tài sản	Tỷ đồng	138,81	125,07

Năm 2022



Năm 2023



Năm 2023, cơ cấu tài sản của PPC có sự chuyển dịch từ tài sản ngắn hạn sang tài sản dài hạn. Tại thời điểm 31/12/2023, tài sản ngắn hạn chiếm 68,91% tổng tài sản của PPC, thấp hơn so với con số 72,39% ở thời điểm cuối năm 2022. Tài sản ngắn hạn giảm 3,48% so với cùng kỳ, là do năm 2023 Công ty có khoảng đầu tư tài chính; thu hồi công nợ tốt tạo dòng tiền dồi dào, gia tăng lượng tiền mặt cho Công ty.

Tuy nhiên, năm 2023 là một năm khó khăn với tình hình nền kinh tế lạm phát điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất bao bì của PPC. Tuy nhiên PPC thực hiện giảm 8,66 tỷ giá trị hàng tồn kho thành phẩm và tồn kho nguyên vật liệu của PPC so với năm 2022.

Tình hình nợ phải trả

Cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2022	31/12/2023
Nợ phải trả	Tỷ đồng	74,06	58,03
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	73,02	55,06
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	1,05	2,96
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	64,75	67,04
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	138,81	125,07

Nợ phải trả của PPC phần lớn là nợ ngắn hạn, chiếm gần 94,89% tổng nợ phải trả năm 2023. Trong đó, 53,82 tỷ đồng (chiếm 98% nợ ngắn hạn) là nợ mà PPC chiếm dụng từ nhà cung cấp, từ người lao động và các khoản chiếm dụng khác; phần còn lại khoảng 1,24 tỷ đồng (chiếm 2% nợ ngắn hạn) là nợ vay ngắn hạn. Nợ dài hạn chiếm 5,11% tổng nợ, hoàn toàn là nợ vay ngân hàng để phục vụ cho mục đích đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định của Công ty. Nợ vay dài hạn giảm dần qua các năm do Công ty đã đảm bảo được dòng tiền hoạt động kinh doanh để thực hiện trả các khoản lãi và gốc vay, giúp giảm áp lực lãi vay cho Công ty. Tính đến hết ngày 31/12/2023, phần nợ vay phải chịu lãi của PPC (cả ngắn hạn và dài hạn) chỉ còn 4,20 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ 2022. Vốn chủ sở hữu có xu hướng tăng nhẹ và ở mức 67,04 tỷ đồng năm 2023, chiếm tỷ trọng 53,61% tổng nguồn vốn

NĂM 2022



NĂM 2023



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2023 Công ty có thực hiện cơ cấu tổ chức lại các phòng/đơn vị. Cập nhật các chính sách đối với người lao động, tuân thủ các quy định của pháp luật. Công tác quản trị, quản lý Doanh nghiệp thực hiện theo quy định quản trị nội bộ Công ty, điều lệ Công ty và luật Doanh nghiệp, các quy định về Công ty niêm yết.

3. Kế hoạch phát triển tương lai

Vận hành an toàn, ổn định Nhà máy sản xuất Bao bì công suất 100% và Nhà máy Phân bón đạt công suất tối thiểu 7.000 tấn/ năm;

Chủ động lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát công tác bảo trì bảo dưỡng sửa chữa đảm bảo 02 Nhà máy vận hành liên tục, hiệu quả;

Tăng cường phát triển kinh doanh cả 2 lĩnh vực Bao bì và phân bón theo chiến lược phát triển bền vững 5 năm 2020-2025.

Tổ chức kiện toàn bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả và chuyên nghiệp.

Thực hiện chương trình phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Tiếp tục xây dựng, triển khai chương trình văn hoá Doanh nghiệp.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty PPC giao.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể năm 2024

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>ĐVT</u>	<u>TH 2023</u>	<u>KH 2024</u>	<u>KH 2024/ TH 2023</u>
Sản lượng sản xuất				
Bao bì	<u>Triệu bao</u>	25,57	25,50	100%
Phân bón	<u>Nghìn tấn</u>	1,15	7,00	610%
Sản lượng tiêu thụ				
Bao bì	<u>Triệu bao</u>	25,75	25,22	98%
Phân bón	<u>Nghìn tấn</u>	11,17	12,30	110%
Doanh thu	<u>Tỷ đồng</u>	361,66	299,60	83%
Bao bì	<u>Tỷ đồng</u>	219,10	210,87	96%
Phân bón	<u>Tỷ đồng</u>	134,80	88,50	66%
Doanh thu khác	<u>Tỷ đồng</u>	5,84		0%
Doanh thu tài chính	<u>Tỷ đồng</u>	1,91	0,23	12%
Thu nhập khác	<u>Tỷ đồng</u>	0,01		
Lợi nhuận trước thuế	<u>Tỷ đồng</u>	10,17	8,09	80%
Lợi nhuận sau thuế	<u>Tỷ đồng</u>	8,02	6,48	81%
Tỷ lệ chia cổ tức	<u>%</u>		8,50	

Các giải pháp thực hiện

Quản trị sản xuất:

- Đánh giá đầy đủ về tình trạng các thiết bị và có kế hoạch đầu tư, cải tạo, nâng cấp.
- Quản lý sản xuất hiệu quả, tối ưu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và tiết giảm chi phí.
- Đẩy mạnh phong trào phát huy các ý tưởng, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm trong sản xuất.

- Đào tạo đội ngũ nhân sự có thể đáp ứng được yêu cầu công việc. Bên cạnh đó luôn cập nhật các công nghệ mới trong sản xuất
- Thực hiện việc chuyển đổi số trong công tác quản lý sản xuất.

Quản trị kinh doanh:

- Hoàn thiện chiến lược kinh doanh bao gồm mục tiêu tăng trưởng, định vị thị trường, phương thức cạnh tranh.
- Xây dựng đội ngũ kinh doanh chuyên nghiệp, đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng.
- Tạo môi trường làm việc tích cực và tăng cường đóng góp, sáng tạo.
- Tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ để giảm chi phí và tăng hiệu suất làm việc, tăng hiệu quả trong công tác phối hợp nội bộ.
- Ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa quy trình và cải thiện trải nghiệm khách hàng.
- Đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu khách hàng.
- Nắm bắt xu hướng chuyển đổi số trong giao dịch mua bán quốc tế.
- Tập trung vào nhu cầu và mong muốn của khách hàng để cải thiện chất lượng sản phẩm / dịch vụ, xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng.
- Chú trọng văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh
- Nhanh nhạy nắm bắt thông tin thị trường và thích ứng điều chỉnh linh doanh chiến lược kinh doanh để phù hợp.

Quản trị nguồn nhân sự:

- Bố trí, sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình từng giai đoạn
- Đào tạo chuyên môn, quản lý nhân sự Công ty nhằm nâng cao trình độ và năng suất lao động.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phát huy vai trò, sức mạnh của các đoàn thể, phát huy sức mạnh tập thể trong sản xuất kinh doanh.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2023 của Công Ty Cổ Phần Bao bì Dầu khí Việt Nam, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Thông tin đã thể hiện ở phần II Tình hình hoạt động trong năm

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc hoàn thiện các chính sách quản trị nhân lực

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc trả thù lao lao động

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc bố trí và sử dụng nhân viên

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc đề bạt và thăng tiến

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong đào tạo và phát triển

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc tạo động lực tinh thần cho nhân viên

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc cải thiện môi trường và điều kiện làm việc

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương

Nhận định được sự tồn tại và phát triển ổn định, bền vững trong xã hội phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố con người và môi trường hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, việc thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội sẽ giúp Công ty đạt được:

- Nâng cao giá trị thương hiệu và uy tín của công ty cũng như mở rộng quy mô kinh doanh cũng như làm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.
- Thu hút nguồn lao động giỏi, có năng lực nhằm tăng năng suất, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt. Ngoài ra, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội còn giúp doanh nghiệp giữ chân được những nhân viên có chuyên môn, góp phần khẳng định “sức mạnh mềm” của doanh nghiệp.
- Giúp doanh nghiệp thực hiện hiệu quả hoạt động quản lý trong công ty và các trách nhiệm khác trong xã hội.
- Đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của doanh nghiệp.



PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty năm 2023

Tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2023

Nền kinh tế năm 2023 đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng; tình hình lạm phát vẫn ở mức cao; cũng như sự thay đổi trong điều hành chính sách tiền tệ, chiến tranh thương mại giữa các nước ảnh hưởng trực tiếp đến giá nguyên vật liệu đầu vào, chi phí vận chuyển, logistic tăng cao... Trước tình hình đó, PPC đã nỗ lực khắc phục khó khăn, đảm bảo sản xuất, vận hành và kinh doanh ổn định với kết quả đạt được như sau:

Tình hình thực hiện công tác kế hoạch SXKD ước thực hiện

SẢN XUẤT

Bao bì vận hành đạt 25.567,83 nghìn bao đạt 106,53% KH năm 2023 và đạt 100,98% so với năm 2022.

Phân bón: sản xuất được 1.148,16 tấn đạt 11,48% so với KH năm 2023 và bằng 24,09% so với năm 2022.

TIÊU THỤ

Bao bì thực hiện 25.752,25 nghìn bao đạt 106,84% so với KH năm 2023 và đạt 108,45% so với năm 2022.

Phân bón trong năm 2023 được 11.169,58 tấn đạt 101,54% KH năm 2023 và đạt 108,12% so với năm 2022.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thực hiện trong năm 2023 đạt 361,66 tỷ đồng đạt 103,96% so với KH năm 2023 và đạt 101,52% so với năm 2022, hoàn thành kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận trước thuế năm 2023 thực hiện đạt 10,17 tỷ đồng cao hơn 25,91% so với KH năm 2023 và cao hơn 18,04% so với năm 2022, hoàn thành kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 thực hiện 8,02 tỷ đồng cao hơn 24,10% với KH năm 2023 và cao hơn 18,78% so với năm 2022, hoàn thành kế hoạch đề ra.

CÁC CÔNG TÁC KHÁC

- Trong năm 2023, PPC đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty niêm yết, thực hiện việc công bố thông tin đúng quy định pháp luật. Hơn thế nữa năm 2023, PPC đã tiếp tục thực hiện tái cấu trúc bộ máy, hướng tin gọn và phù hợp với tình hình thực tế Công ty.
- PPC luôn quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực, tổ chức các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao tay nghề cho người lao động; Kịp thời khen thưởng, khuyến khích và phát động tinh thần sáng tạo trong tác nghiệp của CBCNV
- Tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội,... các chế độ kế toán theo quy định; Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội tại địa phương, những vùng lân cận, hỗ trợ giúp đỡ cho gia đình khó khăn.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách do Nhà nước ban hành; tuân thủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán do nhà nước quy định; lưu trữ, sắp xếp tốt các chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước.
- Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội tại địa phương, những vùng lân cận cũng như hỗ trợ giúp đỡ cho những gia đình công nhân nghèo.

Trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

- Giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa công ty
- Bảo vệ quyền lợi cho người lao động
- Chống tham nhũng
- Bảo vệ môi trường
- Tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho người lao động
- Thu hẹp khoảng cách nhân viên và lãnh đạo
- Vì lợi ích cộng đồng

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm 2023, Ban Giám đốc đã có những thành tích tích cực trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc phối hợp hoạt động dựa trên nguyên tắc linh động, nhịp nhàng, đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông. Mỗi quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Giám đốc Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị Công ty.

Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật, các quy định hiện hành và Điều lệ Công ty; nỗ lực triển khai hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Mặc dù, trong năm 2023 có nhiều khó khăn nhưng Ban Giám đốc đã nỗ lực cố gắng, chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch 2023 đề ra.
- Đảm bảo Công ty hoạt động và thu nhập đời sống người lao động trong tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu
- Xây dựng phương thức lập kế hoạch, kiểm soát chi phí theo từng cost center giúp việc kiểm soát chi phí được chặt chẽ và hiệu quả.
- Duy trì và đảm bảo mức cổ tức cho cổ đông hàng năm ổn định.
- Tái cấu trúc Công ty theo hướng tinh gọn.

Bên cạnh đó còn một số điểm hạn chế

- Hạ tầng, cơ sở vật chất xuống cấp nhưng chưa được đầu tư đồng bộ.
- Máy móc thiết bị qua thời gian khấu hao chưa có kế hoạch đầu tư thay thế.
- Chưa có nhiều sáng kiến cải tiến nổi bật.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

Sản lượng sản xuất		
Bao bì	Triệu bao	25,50
Phân bón	Nghìn Tấn	7,00
Sản lượng tiêu thụ		
Bao bì	Triệu bao	25,22
Phân bón	Nghìn Tấn	12,30
Doanh thu	Tỷ đồng	299,60
Bao bì	Tỷ đồng	210,87
Phân bón	Tỷ đồng	88,50
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	0,23
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,09
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,48
Tỷ lệ chia cổ tức	%	8,5

Về chiến lược kinh doanh

- Tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện chiến lược phát triển của Công ty cho phù hợp với thực tế.
- Giám sát thực hiện kế hoạch 2024 đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm bao bì, phân bón nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.
 - Tập trung nghiên cứu, cải tiến, áp dụng các công nghệ tiên tiến để vận hành hiệu quả Nhà máy Phân bón đảm bảo đưa ra thị trường sản phẩm tốt nhất.
 - Tăng cường công tác truyền thông, đẩy mạnh bán hàng bao bì và sản phẩm phân bón, tìm kiếm những thị trường mới

Về công tác quản trị

- Tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị Công ty đối với Công ty niêm yết.
- Tiếp tục hoàn thiện và đưa vào sử dụng các công cụ tiên tiến, hiện đại để quản trị hiệu quả các nguồn lực của Công ty.
 - Chú trọng trong công tác xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, tăng cường nghiên cứu thu thập thông tin thị trường, kênh phân phối để xây dựng chiến lược tự kinh doanh phân phối phân bón.
 - Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho vai trò quản lý và chuyên môn để tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng định hướng phát triển của Công ty.

- Kiểm soát tốt các bộ định mức kinh tế kỹ thuật vận hành và khai thác tại Nhà máy; quản trị chặt chẽ chi phí, giá thành sản phẩm đảm bảo theo các bộ định mức kinh tế kỹ thuật và cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại.

Về công tác khác

- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành nhà máy an toàn, ổn định; thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa an toàn, đảm bảo tiến độ, chất lượng và tiết kiệm chi phí.

- Chỉ đạo thực hiện công tác đầu tư mua sắm đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra và tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

- Chỉ đạo công tác kinh doanh cả 02 lĩnh vực sản phẩm bao bì và phân bón đảm bảo hiệu quả tốt nhất, đồng thời giữ vững và nâng cao thương hiệu, giá trị sản phẩm. Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

- Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.

Định hướng giai đoạn 2021-2025

Lĩnh vực bao bì

- Tập trung toàn bộ nguồn lực đáp ứng tất cả nhu cầu đóng gói của Đạm Cà Mau, đồng thời đầu tư, nâng cao chất lượng sản phẩm để bảo vệ thương hiệu PVCFC. Tăng tỷ trọng Bao bì cung cấp cho khách hàng bên ngoài, xúc tiến xuất khẩu bao bì sang các nước khác như: Lào, Campuchia,... đảm bảo duy trì sản lượng bao bì đạt 30 triệu bao/năm

Lĩnh vực phân bón

- Duy trì sản xuất các sản phẩm phân bón N. Humate, NPK, NPK Humic.

- Là đơn vị gia công sản phẩm thử nghiệm phân bón mới của PVCFC và gia công cho các đối tác bên ngoài nhằm đảm bảo nhà máy sản xuất đạt công suất tối đa.

• Sản xuất - thị trường

- Nâng cao trình độ tay nghề và kỹ thuật vận hành máy móc;
- Áp dụng triệt để chương trình 5S và Kaizen để loại bỏ lãng phí, tăng hiệu quả sản xuất;
- Không ngừng cải tiến, nghiên cứu công nghệ mới nhằm nâng cao công suất tối đa của máy móc;

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt phân khúc bao bì chất lượng cao;

- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ phục vụ tốt nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước;

- Dẫn đầu về chất lượng, giá thành sản phẩm;

- Dịch vụ chăm sóc khách hàng nhiệt tình, thân thiện và chu đáo;

- Thiện chí trong liên kết, hợp tác với khách hàng và đối tác;

- Không ngừng học hỏi, tìm kiếm cơ hội phát triển kinh doanh;

- Xây dựng và giữ vững phương châm: “Uy tín - Chất lượng - An toàn - Hiệu quả”;

- Có chính sách bán hàng tốt nhằm xây dựng, định vị thương hiệu trên thị trường. Ngoài ra, đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu, sản phẩm và năng lực đến rộng rãi các đối tượng khách hàng tiềm năng thông qua các phương tiện truyền thông, internet,...

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên HĐQT
01	Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT từ 21/06/2018 Chủ tịch HĐQT từ 22/11/2019 Thành viên HĐQT tái bổ nhiệm từ 08/06/2023 Chủ tịch HĐQT tái bổ nhiệm từ 08/06/2023
02	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT từ 21/06/2018 Thành viên HĐQT tái bổ nhiệm từ 08/06/2023
03	Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên HĐQT độc lập tái bổ nhiệm ngày 24/06/2020
04	Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ 22/11/2019
05	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ 22/11/2019

Sơ yếu lý lịch của các Thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG NGUYỄN ĐỨC THUẬN – CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 08/03/1974

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Vận tải thủy bộ
Quá trình công tác	
Từ 01/1998 - 09/1999	Công tác tại Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí
Từ 09/1999 - 05/2002	Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật tại Ban quản lý dự án nhà số 1 và 5 Lê Duẩn thuộc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
Từ 05/2002 - 08/2007	Chuyên viên Kỹ thuật cho Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ, TP. HCM
Từ 08/2007 - 06/2014	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP bất động sản Dầu khí, TP. HCM
Từ 07/2014 - 21/11/2019	Phó chánh Văn phòng Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 21/06/2018 - 21/11/2019	Phó chánh Văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 22/11/2019 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 10/01/2024 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN – THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 13/08/1975

Thông tin đã thể hiện ở phần II sơ yếu lý lịch của Ban điều hành.

ÔNG TRẦN THIÊN HỒNG – THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Năm sinh: 04/03/1951

Quá trình công tác	
Từ 1975 - 1985	Công tác tại Hợp tác xã xây dựng Bình Minh
Từ 1985 - nay	Kinh doanh buôn bán đồ gỗ tại gia
Từ 04/2015 - nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

ÔNG ĐÌNH NHẬT DƯƠNG - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 08/07/1980

Trình độ chuyên môn	Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 09/2005 - 09/2006	Trợ lý Kiểm toán tại Công ty Hợp danh Kiểm toán SGN
Từ 12/2006 - 04/2010	Trợ lý Kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán Bắc Đẩu
Từ 04/2010 - 01/2011	Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán Bắc Đẩu
Từ 02/2011 - 05/2011	Phó Phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng DKVN (PVEIC)
Từ 05/2011 - 10/2013	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Thẩm định giá EIC Việt Nam
Từ 04/2014 - 05/2015	Giám đốc tại Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Tư vấn Dương Minh
Từ 07/2015 - 11/2016	Chuyên viên Ban Tài chính tại Kế toán tại Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 11/2016 - 11/2020	Trưởng Phòng Kế toán, Ban Tài chính tại Kế toán Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 12/2020 - 05/2023	Kiểm toán viên nội bộ tại Ban Kiểm toán nội bộ Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 05/2023 - nay	Phó trưởng ban, Ban Kiểm toán Nội bộ kiêm Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 22/11/2019 - nay	Thành viên HĐQT tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

BÀ TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 18/08/1979

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Từ 11/2001 - 08/2005	Thư ký HACCP, Chuyên viên tại Xí nghiệp 2 – Công ty CP Chế biến và Xuất nhập khẩu Cà Mau
Từ 09/2005 - 08/2008	Chuyên viên Phòng Kinh doanh tại Công ty CP Chế biến và Xuất nhập khẩu Cà Mau
Từ 09/2008 - 01/2010	Chuyên viên Phòng Kinh tế kế hoạch tại Ban quản lý dự án Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau
Từ 02/2010 - 01/2011	Phó trưởng Phòng Kế hoạch đầu tư tại Ban quản lý dự án Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau
Từ 08/2012 - 10/2014	Phó trưởng Ban Kế hoạch chiến lược (nay là Ban Kế hoạch – Đầu tư) tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau)
Từ 10/2014 - 01/2015	Phó trưởng Ban Kế hoạch chiến lược (nay là Ban Kế hoạch – Đầu tư) tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau) Thành viên HĐQT tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 02/2015 - 06/2018	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau Thành viên HĐQT tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2018 - nay	Trưởng Ban Kế hoạch đầu tư Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 22/11/2019 - nay	Thành viên HĐQT tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của Hội đồng quản trị được phân công cho các thành viên thẩm tra một số nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để ra quyết định. Đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong khoảng thời gian từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	04/04	
02	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	04/04	

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
03	Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT độc lập	04/04	
04	Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên HĐQT	04/04	
05	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	03/04	Bận công tác

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

01	01/NQ-PPC-HĐ	06/01/2023	Phê duyệt KHSXKD 2023
02	02/NQ-PPC-HĐ	13/01/2023	V/v Họp HĐQT quý IV/2022
03	03/NQ-PPC-HĐ	24/03/2023	V/v công tác cán bộ
04	04/NQ-PPC-HĐ	29/03/2023	V/v công tác cán bộ
05	05/NQ-PPC-HĐ	11/04/2023	V/v tổ chức ĐHĐCĐ TN 2023
06	06/NQ-PPC-HĐ	11/04/2023	V/v Gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ TN 2023
07	07/NQ-PPC-HĐ	26/04/2023	V/v Họp HĐQT quý I/2023
08	08/NQ-PPC-HĐ	06/06/2023	V/v miễn nhiệm Kế toán trưởng
09	09/NQ-PPC-HĐ	06/06/2023	V/v Công tác cán bộ
10	10-NQ/PPC/HĐ	06/06/2023	V/v Công tác cán bộ
11	11-NQ/PPC/HĐ	06/06/2023	V/v quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2022
12	12-NQ/PPC/HĐ	08/06/2023	V/v Công tác cán bộ
13	13-NQ/PPC/HĐ	26/06/2023	Vv Công tác cán bộ
14	14-NQ/PPC/HĐ	19/07/2023	V/v thế chấp tài sản tại Vietinbank
15	15-NQ/PPC/HĐ	26/07/2023	V/v họp HĐQT quý II/2023
16	16-NQ/PPC/HĐ	07/09/2023	V/v kế hoạch lao động tiền lương 2023
17	17-NQ/PPC/HĐ	03/10/2023	V/v giao dịch với người có liên quan (PVCF - PPC)
18	18-NQ/PPC/HĐ	09/10/2023	V/v trả cổ tức năm 2022
19	19-NQ/PPC/HĐ	16/10/2023	V/v công tác cán bộ
20	20-NQ/PPC/HĐ	24/10/2023	V/v họp HĐQT quý III/2023
21	21-NQ/PPC/HĐ	26/12/2023	Vv phê duyệt kế hoạch SXKD 2024
22	01-QĐ/PPC/HĐ	29/03/2023	V/v bổ nhiệm lại cán bộ
23	02-QĐ/PPC/HĐ	26/04/2023	V/v ban hành Quy chế mua sắm
24	03-QĐ/PPC/HĐ	26/04/2023	V/v ban hành Quy chế kinh doanh

25	04-QĐ/PPC/HĐ	05/06/2023	V/v Giao nhiệm vụ phụ trách kế toán
26	05-QĐ/PPC/HĐ	08/06/2023	V/v xếp lương đối với cán bộ

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

Căn cứ Điều lệ hoạt động và Quy chế, quy định của Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động của Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các nhiệm vụ được giao.

Việc giám sát được thực hiện thông qua các báo cáo của Giám đốc tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp giao ban của Ban điều hành. Ngoài ra, Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, làm việc với Ban điều hành về các vấn đề liên quan trong việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển Công ty.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Trần Thiên Hồng – thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT độc lập theo điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật.

2. Ban kiểm soát

Danh sách Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Kiểm soát viên
01	Ông Lê Cảnh Khánh	Trưởng BKS	Trưởng BKS từ 08/06/2023 Trưởng BKS từ 14/04/2016 - 20/06/2018
02	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	Tái bổ nhiệm thành viên BKS ngày 22/04/2021 Thành viên BKS từ 21/06/2018
03	Bà Nguyễn Hoài Phương	Kiểm soát viên	Thành viên BKS từ 24/06/2020

Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban kiểm soát

ÔNG LÊ CẢNH KHÁNH – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 28/09/1970

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 09/1992 - 06/1996	Kế toán trưởng Trung tâm Tôm, Đại học Cần Thơ Kế toán trưởng Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ
07/1996- 12/2002	Chuyên viên tín dụng, Chương trình hỗ trợ phát triển FOS Tỉnh Vĩnh Long

01/2005 - 02/2011	Kế toán trưởng Công ty CP Cơ Khí Ô tô Cần Thơ (CAMECO)
03/2011 - 06/06/2023	Kế Toán Trưởng Công ty CP Bao Bì Dầu Khí Việt Nam (PPC)
Từ 08/06/2023 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 12/06/2023 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	1.470 cổ phiếu tương ứng 0,03% vốn điều lệ

BÀ NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG – KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh: 10/12/1982

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 10/2005 - 05/2007	Kế toán bán hàng Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Vĩnh Tường, tại quận 10, TP.HCM
Từ 06/2007 - 08/2008	Kế toán kho Công ty Cổ Phần Nhà Tinh Túy, tại quận 10, TP.
Từ 09/2008 - 09/2010	Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn Kế toán V.L.C
Từ 10/2010 - 01/2012	Kế toán bán hàng, Cửa hàng Honda Nam Sương 2 thuộc Công ty TNHH Cà Phê Nam Sương tại TP. Bạc Liêu
Từ 07/2012 - 04/2016	Kế toán Vật tư bán hàng, kiêm thủ quỹ tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 04/2016 - 05/2018	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 9/2018 - 01/2019	Phó phòng KH-KD phụ trách kế hoạch Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 09/2018 - nay	Kiểm soát viên Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 02/2019 - nay	Phó phòng Kinh doanh Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

BÀ NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG – KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh: 27/01/1983

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 03/2007 đến 12/2007	Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Xây Dựng Phát Triển Nhà Bạc Liêu
Từ 12/2007 đến 10/2008	Giao dịch viên tại Ngân hàng TMCP Nam Việt CN Bạc Liêu
Từ 10/2008 đến 05/2009	Kiểm Soát Viên tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu

Từ 05/2009 đến 03/2014	Phó Trưởng phòng Kế Toán Ngân Quỹ phụ trách Phòng Kế toán Ngân quỹ tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 03/2014 tháng 12/2014	Phó phòng Kế toán và Ngân quỹ tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 12/2014 đến 12/2015	Phó phòng Dịch Vụ Nội Bộ & Giao Dịch kiêm phụ trách Kế Toán tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 12/2015 đến 02/2017	Phó phòng Dịch Vụ Nội Bộ & Giao Dịch tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 03/2017 đến 09/2018	Kế Toán kiêm Quản Lý Trung Tâm tại Trung Tâm Kế Toán Dịch Vụ Thuế
Từ 10/2018 đến 12/2018	Phó Trưởng phòng phụ trách Kế Toán Giao dịch và Kho quỹ tại Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 01/2019 đến 05/2019	Phó Trưởng phòng Kế Toán Giao dịch và Kho quỹ tại Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 05/2019 đến 07/2019	Trưởng phòng giao dịch tại Phòng Giao dịch Hòa Bình Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 08/2019 đến 04/2020	Phó Trưởng phòng Kế Toán Giao dịch và Kho quỹ tại Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 04/2020 - nay	Chuyên viên kế hoạch tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2020 - nay	Kiểm soát viên tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

Các cuộc họp trong năm

STT	Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Vũ Chí Dương	Trưởng Ban kiểm soát	2/6	Ngày 08/06/2023 miễn nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát
02	Ông Lê Cảnh Khánh	Trưởng Ban kiểm soát	4/6	Ngày 08/06/2023 bầu cử Trưởng Ban Kiểm soát
03	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	6/6	
04	Bà Nguyễn Hoài Phương	Kiểm soát viên	6/6	

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành

Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, xem xét các báo cáo tài chính của Công ty và thực hiện việc giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành, luôn đặt lợi ích Công ty lên hàng đầu, tập trung xây dựng và phát triển Công ty.
- Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các Nghị quyết/Quyết định, chỉ thị của PVCFC, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đều được Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kịp thời.
- Kiểm tra báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính bán niên và kiểm tra báo cáo tài chính kiểm toán năm của Công ty trước khi đệ trình Hội đồng quản trị. Công ty đã lập báo cáo tài chính đúng thời hạn và phù hợp với Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn được ưu tiên hàng đầu. Về cơ bản, các quy chế, quy trình, quy định đều phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, tình hình hoạt động của Công ty và được cán bộ, nhân viên thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Công ty đang tiếp tục rà soát, bổ sung và sửa đổi các quy chế, quy định phục vụ công tác quản lý, điều hành.
- Các quyết định, chỉ thị của Giám đốc đều được ban hành đúng thẩm quyền, hợp pháp và kịp thời nhằm điều hành tốt hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán theo quy định của pháp luật.
- Năm 2021 Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi và thảo luận với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty;
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời Trưởng Ban kiểm soát tham gia để đánh giá tình hình thực hiện định hướng, chiến lược và thiết lập các định hướng, đề ra giải pháp chiến lược theo tình hình mới làm cơ sở triển khai thực hiện.
- Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các tài liệu họp Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát xem xét và đóng góp ý kiến. Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
- Các biên bản họp của Hội đồng quản trị đều được gửi tới Ban kiểm soát để cập nhật và đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời.
- Ngoài việc kiểm tra giám sát, trong quá trình soạn thảo, ban hành các quy chế, quy định, tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát với chuyên môn của mình đã tham gia tư vấn, góp ý để hoàn thiện hơn, phù hợp với tình hình thực tế.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban điều hành

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát

ĐVT: đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao	Thưởng, phúc lợi khác	Tổng cộng	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	638.489.189	140.178.339	778.667.528	
2	Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	122.322.776	0	122.322.776	
3	Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT	122.322.776	0	122.322.776	
4	Đình Nhật Dương	Thành viên HĐQT	122.322.776	0	122.322.776	
II	Ban kiểm soát					

Sr	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao	Thưởng, phúc lợi khác	Tổng cộng	Ghi chú
1	Vũ Chí Dương	Trưởng BKS	48.569.338	0	48.569.338	
2	Lê Cảnh Khánh	Trưởng BKS	264.986.779	7.000.000	271.986.779	bổ nhiệm từ ngày 08/06/2023
3	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	77.351.167	0	77.351.167	
4	Nguyễn Hoài Phương	Kiểm soát viên	77.351.167	0	77.351.167	
III Ban điều hành						
1	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	638.489.189	140.178.339	778.667.528	
2	Nguyễn Thanh Nhuận	Phó giám đốc	425.659.459	99.785.560	525.445.019	
3	Trịnh Tiến Sỹ	Phó giám đốc	90.221.538	63.985.560	154.207.098	
4	Lê Cảnh Khánh	Kế toán trưởng	145.153.846		145.153.846	miễn nhiệm từ ngày 06/06/2023

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không phát sinh

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2023, Công ty có thực hiện giao dịch mua bán sản phẩm Bao bì và Phân bón với Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau là công ty mẹ - Cổ đông lớn (chiếm 51,03% vốn điều lệ Công ty).

Đào tạo về quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(như đính kèm)

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC).

Nơi nhận: 

- Lưu VT 



NGUYỄN TRUNG KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8

Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8
Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch
Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên
Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên độc lập
Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Tiến Sỹ	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8
Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2024

01/01/2024
KI
ĐE
VI
/01/

Số: 0430/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 23 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

125
NG
VHH
ATO
OIT
TN
3-T

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Xuân Ánh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 23 tháng 02 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Công Cương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3992-2022-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.182.109.845	100.483.636.686
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	22.543.505.044	10.413.827.959
1. Tiền	111		12.543.505.044	10.413.827.959
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	30.000.000.000	50.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.000.000.000	50.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.121.243.096	2.089.857.387
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.661.908.723	1.161.646.664
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.586.000	291.955.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	485.465.753	676.972.603
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(40.717.380)	(40.717.380)
IV. Hàng tồn kho	140	8	28.603.773.206	37.596.245.779
1. Hàng tồn kho	141		28.935.620.018	37.596.245.779
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(331.846.812)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		913.588.499	383.705.561
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	504.485.069	383.705.561
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		409.103.430	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.889.400.917	38.326.556.871
I. Tài sản cố định	220		34.259.396.026	35.515.521.410
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	34.259.396.026	35.515.521.410
- Nguyên giá	222		127.995.202.323	123.504.957.673
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.735.806.297)	(87.989.436.263)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		380.000.000	380.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(380.000.000)	(380.000.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.186.058.460	72.160.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.186.058.460	72.160.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.443.946.431	2.738.875.461
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.443.946.431	2.738.875.461
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		125.071.510.762	138.810.193.557

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		58.026.682.492	74.063.653.727
I. Nợ ngắn hạn	310		55.062.202.617	73.015.172.227
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	21.380.304.453	17.043.335.008
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	23.755.529.116	45.575.304.647
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	992.261.730	1.600.121.260
4. Phải trả người lao động	314		6.769.987.015	5.587.734.012
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	344.942.641	320.012.505
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		65.483.489	48.106.339
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1.238.940.633	2.559.405.532
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	514.753.540	281.152.924
II. Nợ dài hạn	330		2.964.479.875	1.048.481.500
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	2.964.479.875	1.048.481.500
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.044.828.270	64.746.539.830
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	67.044.828.270	64.746.539.830
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.995.160.000	47.995.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.995.160.000	47.995.160.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.931.716.848	9.918.903.186
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.117.951.422	6.832.476.644
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		97.526.166	80.385.562
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.020.425.256	6.752.091.082
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		125.071.510.762	138.810.193.557



Nguyễn Ngọc Tuyên
 Người lập biểu



Trần Minh Nhất
 Phụ trách kế toán



Nguyễn Trung Kiên
 Giám đốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2024

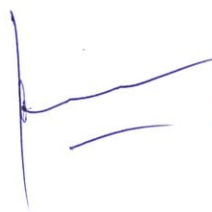
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	359.733.249.950	355.551.316.675
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		359.733.249.950	355.551.316.675
3. Giá vốn hàng bán	11	23	328.665.461.422	329.423.020.044
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		31.067.788.528	26.128.296.631
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.914.937.742	705.034.513
6. Chi phí tài chính	22	26	272.689.047	418.332.689
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		272.629.649	418.166.375
7. Chi phí bán hàng	25	27	6.364.572.879	5.146.722.331
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	16.181.093.575	12.637.629.764
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		10.164.370.769	8.630.646.360
10. Thu nhập khác	31		7.313.265	-
11. Chi phí khác	32		-	13.310.053
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		7.313.265	(13.310.053)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.171.684.034	8.617.336.307
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	2.151.258.778	1.865.245.225
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.020.425.256	6.752.091.082
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.337	1.065



Nguyễn Ngọc Tuyên
 Người lập biểu



Trần Minh Nhất
 Phụ trách kế toán



Nguyễn Trung Kiên
 Giám đốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.171.684.034	8.617.336.307
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.746.370.034	7.483.945.363
Các khoản dự phòng	03	331.846.812	12.215.214
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(383.117)	(460.335)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.914.495.227)	(704.407.864)
Chi phí lãi vay	06	272.629.649	418.166.375
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.607.652.185	15.826.795.060
Thay đổi các khoản phải thu	09	(2.631.995.989)	1.651.793.590
Thay đổi hàng tồn kho	10	8.660.625.761	546.236.937
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(17.465.174.036)	37.398.194.292
Thay đổi chi phí trả trước	12	174.149.522	(226.869.704)
Tiền lãi vay đã trả	14	(274.807.192)	(419.503.976)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.758.182.203)	(1.604.865.994)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	300.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.708.947.600)	(1.388.585.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(96.679.552)	51.783.194.206
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.395.973.433)	(2.364.339.121)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.000.000.000)	(50.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.106.002.077	30.435.261
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.710.028.644	(52.333.903.860)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.231.784.008	1.075.350.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.636.250.532)	(3.405.304.250)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.079.588.600)	(4.079.588.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.484.055.124)	(6.409.542.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	12.129.293.968	(6.960.252.504)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.413.827.959	17.373.620.128
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	383.117	460.335
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	22.543.505.044	10.413.827.959


Nguyễn Ngọc Tuyên
Người lập biểuTrần Minh Nhất
Phụ trách kế toánNguyễn Trung Kiên
Giám đốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ mười ba ngày 03 tháng 7 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô A 1-3, khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 7234/UBCK-QLPH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Từ ngày 27 tháng 01 năm 2015, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PBP theo Thông báo số 28/QĐ-SGDHN ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 219 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 224 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ nhựa;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: chất dẻo nguyên sinh và phân bón;
- In ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác;
- Quảng cáo;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; và
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bao bì PP/PE và phân bón.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như trình bày tại Thuyết minh số 29.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa, bảo trì, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, vật liệu, phụ tùng thay thế và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi cộng đồng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tính hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

50
B T
H
O A
T
VA
I.P

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón: Theo Công văn số 380/CT-TTHT ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Cục Thuế tỉnh Bạc Liêu, dự án Nhà máy sản xuất phân bón Dầu khí Bạc Liêu được xác định là dự án đầu tư mới. Do đó, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 17% trong thời hạn 10 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2016; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty chưa có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón.

Đối với hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	89.397.194	55.802.814
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.454.107.850	10.358.025.145
Các khoản tương đương tiền (i)	10.000.000.000	-
	22.543.505.044	10.413.827.959

- (i) Thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bạc Liêu có kỳ hạn gốc 2 tháng, với lãi suất 3%/năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	30.000.000.000	30.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000

- (i) Thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bạc Liêu có kỳ hạn gốc 6 tháng, với lãi suất 4,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Lương thực A An	1.090.843.740	-
Công ty TNHH Vitraco Green Nature	682.614.375	420.682.428
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hiếu Nhân	626.400.000	-
Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	531.360.000	448.200.000
Công ty TNHH MTV Lương thực Tân Hồng	475.878.240	-
Các khách hàng khác	254.812.368	292.764.236
	3.661.908.723	1.161.646.664

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	482.465.753	673.972.603
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
	485.465.753	676.972.603

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.381.350.891	-	21.128.324.557	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.542.306.483	-	6.146.865.051	-
Thành phẩm	7.011.962.644	(331.846.812)	10.321.056.171	-
	28.935.620.018	(331.846.812)	37.596.245.779	-

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 331.846.812 VND (năm 2022: 0 VND) do thành phẩm phân bón có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	282.883.782	105.977.510
- Vật liệu, phụ tùng thay thế	17.841.667	27.217.027
- Các khoản khác	203.759.620	250.511.024
	504.485.069	383.705.561
b. Dài hạn		
- Vật liệu, phụ tùng thay thế	1.072.302.375	1.366.717.460
- Chi phí sửa chữa, bảo trì	947.191.792	993.582.215
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	415.801.897	341.867.046
- Các khoản khác	8.650.367	36.708.740
	2.443.946.431	2.738.875.461

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

10. TẶNG GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu năm	53.668.225.742	61.081.830.683	8.366.626.842	388.274.406	123.504.957.673
Tăng trong năm	109.000.000	4.219.444.650	-	161.800.000	4.490.244.650
Số dư cuối năm	53.777.225.742	65.301.275.333	8.366.626.842	550.074.406	127.995.202.323
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	27.311.109.383	53.587.288.942	6.703.650.146	387.387.792	87.989.436.263
Khấu hao trong năm	2.939.208.472	2.341.367.426	461.448.936	4.345.200	5.746.370.034
Số dư cuối năm	30.250.317.855	55.928.656.368	7.165.099.082	391.732.992	93.735.806.297
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	26.357.116.359	7.494.541.741	1.662.976.696	886.614	35.515.521.410
Tại ngày cuối năm	23.526.907.887	9.372.618.965	1.201.527.760	158.341.414	34.259.396.026

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 53.724.441.473 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 37.039.967.572 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu” và tài sản cố định khác hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 18.930.246.756 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 17.321.735.172 VND).

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.147.662.519	4.943.604.947	6.091.267.466	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	444.109.398	2.151.258.778	1.758.182.203	837.185.973
Thuế thu nhập cá nhân	8.349.343	593.459.060	446.732.646	155.075.757
Thuế khác	-	79.505.846	79.505.846	-
Các khoản phí, lệ phí	-	82.590.742	82.590.742	-
	1.600.121.260	7.850.419.373	8.458.278.903	992.261.730

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bãi tập kết nguyên vật liệu có mái che	2.186.058.460	-
Vật tư máy dẹt chờ lắp đặt	-	72.160.000
	2.186.058.460	72.160.000

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Quang Trần Phát	4.402.350.000	4.402.350.000	6.124.118.400	6.124.118.400
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Liên minh (LIMICO)	3.801.048.510	3.801.048.510	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Sản xuất Thương mại Phú Gia	3.711.400.000	3.711.400.000	-	-
Công ty Cổ phần Stavian Hóa chất	2.813.935.000	2.813.935.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Bao bì Đại Phát	-	-	4.166.931.600	4.166.931.600
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bao bì Lương Thực	-	-	3.987.811.680	3.987.811.680
Phải trả cho các đối tượng khác	6.651.570.943	6.651.570.943	2.764.473.328	2.764.473.328
	21.380.304.453	21.380.304.453	17.043.335.008	17.043.335.008

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	23.752.206.958	45.571.982.489
Các khách hàng khác	3.322.158	3.322.158
	23.755.529.116	45.575.304.647
<i>Trong đó:</i>		
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	23.752.206.958	45.571.982.489
	23.752.206.958	45.571.982.489

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí tiền điện	216.381.064	210.273.385
Chi phí lãi vay	3.561.577	5.739.120
Các khoản trích trước khác	125.000.000	104.000.000
	344.942.641	320.012.505

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Tăng	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giảm	Giá trị	
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	2.559.405.532	2.559.405.532	1.315.785.633	2.636.250.532	1.238.940.633	1.238.940.633
	2.559.405.532	2.559.405.532	1.315.785.633	2.636.250.532	1.238.940.633	1.238.940.633

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Tăng	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giảm	Giá trị	
Vay dài hạn ngân hàng (i)	3.607.887.032	3.607.887.032	3.231.784.008	2.636.250.532	4.203.420.508	4.203.420.508
	3.607.887.032	3.607.887.032	3.231.784.008	2.636.250.532	4.203.420.508	4.203.420.508

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	2.559.405.532	2.559.405.532			1.238.940.633	1.238.940.633
- Số phải trả sau 12 tháng	1.048.481.500	1.048.481.500			2.964.479.875	2.964.479.875

(i) Thể hiện các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu theo các hợp đồng cho vay số DN4-1111/2021-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 18 tháng 11 năm 2021, DN-2501/2022-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 25 tháng 01 năm 2022, DN-0308/2022-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 09 tháng 8 năm 2022, DN-1605/2023-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 16 tháng 5 năm 2023, DN-2011/2023-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 20 tháng 11 năm 2023 và DN-2211/2023-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 22 tháng 11 năm 2023 với thời hạn vay từ 3 năm đến 7 năm để phục vụ cho mục đích đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định của Công ty. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thuộc Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu" và tài sản cố định khác hình thành từ vốn vay (Thuyết minh số 10). Lãi suất của các khoản vay cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là từ 8,9%/năm đến 12%/năm (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 8,38%/năm đến 12%/năm).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.238.940.633	2.559.405.532
Trong năm thứ hai	1.213.527.000	396.862.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.750.952.875	651.619.500
	4.203.420.508	3.607.887.032
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.238.940.633	2.559.405.532
Số phải trả sau 12 tháng	2.964.479.875	1.048.481.500

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	281.152.924	496.590.075
- Trích quỹ trong năm	1.642.548.216	1.173.148.848
- Sử dụng quỹ	(1.408.947.600)	(1.388.585.999)
Số dư cuối năm	514.753.540	281.152.924

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	47.995.160.000	9.338.857.287	5.913.168.909	63.247.186.196
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.752.091.082	6.752.091.082
Trích lập các quỹ	-	580.045.899	(1.753.194.747)	(1.173.148.848)
Chia cổ tức	-	-	(4.079.588.600)	(4.079.588.600)
Số dư đầu năm nay	47.995.160.000	9.918.903.186	6.832.476.644	64.746.539.830
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.020.425.256	8.020.425.256
Trích lập các quỹ (i)	-	1.012.813.662	(2.655.361.878)	(1.642.548.216)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(4.079.588.600)	(4.079.588.600)
Số dư cuối năm nay	47.995.160.000	10.931.716.848	8.117.951.422	67.044.828.270

- (i) Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 1.012.813.662 VND, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.350.418.216 VND, Quỹ thưởng người quản lý với số tiền 292.130.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện là 8,5%/cổ phiếu tương đương với 4.079.588.600 VND. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông vào ngày 27 tháng 10 năm 2023.

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.799.516	4.799.516
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.799.516	4.799.516
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.799.516	4.799.516
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.799.516	4.799.516

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ mười ba ngày 03 tháng 7 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 47.995.160.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	24.491.670.000	51,03%	24.491.670.000	51,03%	24.491.670.000	51,03%
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	3.528.000.000	7,35%	3.528.000.000	7,35%	3.528.000.000	7,35%
Cổ đông khác	19.975.490.000	41,62%	19.975.490.000	41,62%	19.975.490.000	41,62%
	47.995.160.000	100%	47.995.160.000	100%	47.995.160.000	100%

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại USD	593,98	593,98

21. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất và kinh doanh bao bì, Bộ phận sản xuất và kinh doanh phân bón và Bộ phận kinh doanh hàng hóa.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận:

Năm nay	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Kinh doanh hàng hóa	Tổng cộng
	Năm nay	Năm nay	Năm nay	Năm nay
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	219.857.370.555	12.214.079.440	127.017.539.370	359.088.989.365
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(185.823.182.238)	(16.354.877.384)	(126.487.401.800)	(328.665.461.422)
Chi phí hoạt động bộ phận	(9.785.862.249)	(672.793.909)	-	(10.458.656.158)
Chi phí tài chính	(220.086.307)	(52.602.740)	-	(272.689.047)
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	24.028.239.761	(4.866.194.593)	530.137.570	19.692.182.738
Doanh thu cung cấp dịch vụ				644.260.585
Giá vốn cung cấp dịch vụ				-
Chi phí hoạt động chung				(12.087.010.296)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.914.937.742
Thu nhập khác				7.313.265
Lợi nhuận trước thuế				10.171.684.034
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.151.258.778)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				8.020.425.256
Năm trước	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Kinh doanh hàng hóa	Tổng cộng
	Năm trước	Năm trước	Năm trước	Năm trước
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	199.526.155.375	63.171.336.000	92.340.335.100	355.037.826.475
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(175.765.869.141)	(61.876.416.383)	(91.446.750.000)	(329.089.035.524)
Chi phí hoạt động bộ phận	(5.910.523.196)	(916.440.068)	-	(6.826.963.264)
Chi phí tài chính	(134.221.850)	(284.110.839)	-	(418.332.689)
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	17.715.541.188	94.368.710	893.585.100	18.703.494.998
Doanh thu cung cấp dịch vụ				513.490.200
Giá vốn cung cấp dịch vụ				(333.984.520)
Chi phí hoạt động chung				(10.957.388.831)
Doanh thu hoạt động tài chính				705.034.513
Chi phí khác				(13.310.053)
Lợi nhuận trước thuế				8.617.336.307
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.865.245.225)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				6.752.091.082

Bảng cân đối kế toán theo bộ phận:

Số cuối năm	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Kinh doanh hàng hóa	Tổng cộng
	Số cuối năm	Số cuối năm	Số cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	45.173.496.282	22.770.262.884	-	67.943.759.166
Tài sản không phân bổ				57.127.751.596
Tổng cộng tài sản				125.071.510.762
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	48.486.100.667	22.420.000	-	48.508.520.667
Nợ phải trả không phân bổ				9.518.161.825
Tổng cộng nợ phải trả				58.026.682.492
Số đầu năm				
Số đầu năm	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Kinh doanh hàng hóa	Tổng cộng
	Số đầu năm	Số đầu năm	Số đầu năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	50.255.730.483	22.442.475.962	-	72.698.206.445
Tài sản không phân bổ				66.111.987.112
Tổng cộng tài sản				138.810.193.557
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	63.027.329.635	2.282.576.892	-	65.309.906.527
Nợ phải trả không phân bổ				8.753.747.200
Tổng cộng nợ phải trả				74.063.653.727

22. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán bao bì	224.291.909.925	210.341.490.475
Doanh thu bán phân bón	134.797.079.440	144.696.336.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	644.260.585	513.490.200
	359.733.249.950	355.551.316.675
Doanh thu với các bên liên quan		
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 31)	213.185.121.241	262.949.988.535

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của bao bì đã bán	190.053.584.038	186.212.619.141
Giá vốn của phân bón đã bán	138.280.030.572	142.876.416.383
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	333.984.520
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	331.846.812	-
	328.665.461.422	329.423.020.044

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	141.232.895.339	195.507.027.999
Chi phí nhân công	36.603.315.170	31.559.190.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.746.370.034	7.483.945.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.910.023.383	17.525.769.064
Chi phí khác bằng tiền	11.500.566.879	6.689.487.891
	212.993.170.805	258.765.421.256

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.914.495.227	704.407.864
Lãi chênh lệch tỷ giá	442.515	626.649
	1.914.937.742	705.034.513

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	272.629.649	418.166.375
Lỗ chênh lệch tỷ giá	59.398	166.314
	272.689.047	418.332.689



27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	6.026.720.421	5.755.850.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	926.231.617	1.063.057.496
Thuế, phí và lệ phí	146.630.710	135.102.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.692.483.859	2.178.305.954
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.389.026.968	3.505.313.585
	16.181.093.575	12.637.629.764
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.919.627.887	1.521.242.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.809.659	203.238.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.427.336.689	2.257.596.092
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.966.798.644	1.164.644.635
	6.364.572.879	5.146.722.331

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.151.258.778	1.865.245.225
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.151.258.778	1.865.245.225

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	10.171.684.034	8.617.336.307
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>584.609.857</i>	<i>708.889.818</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.756.293.891	9.326.226.125
Trong đó:		
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>10.756.293.891</i>	<i>9.326.226.125</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.151.258.778	1.865.245.225

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.020.425.256	6.752.091.082
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (i)	(1.604.085.051)	(1.642.548.216)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.416.340.205	5.109.542.866
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	4.799.516	4.799.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.337	1.065

- (i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 ước tính theo tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 08 tháng 6 năm 2023.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi như trình bày tại Thuyết minh số 18.

	Năm trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	6.752.091.082	6.752.091.082
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.350.418.216)	(1.642.548.216)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.401.672.866	5.109.542.866
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.799.516	4.799.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.125	1.065

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cam kết thuê hoạt động		
Dưới 1 năm	264.538.646	186.191.646
Từ 1 năm đến 5 năm	1.058.154.582	744.766.582
Trên 5 năm	8.571.052.114	6.218.800.960
Cộng	9.893.745.342	7.149.759.188

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 39.173,5 m² tại khu công nghiệp Trà Kha, tỉnh Bạc Liêu với giá thuê 1.953 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2011.
- Tổng số tiền sử dụng dịch vụ hạ tầng cho 39.173,5 m² tại khu công nghiệp Trà Kha, tỉnh Bạc Liêu với giá dịch vụ 4.800 VND/m²/năm. Hợp đồng cung cấp dịch vụ hạ tầng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2011.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có số dư và giao dịch chủ yếu trong năm với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Chủ sở hữu
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Các đơn vị cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	213.185.121.241	262.942.152.535
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	7.836.000
	213.185.121.241	262.949.988.535

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chia cổ tức		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.081.791.950	2.081.791.950
	2.081.791.950	2.081.791.950

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	99.857.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	22.401.851.852	64.500.000.000
	122.258.851.852	64.500.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	23.752.206.958	45.571.982.489
	23.752.206.958	45.571.982.489

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hội đồng Quản trị	1.145.635.856	1.038.751.754
Ông Nguyễn Đức Thuận	778.667.528	683.962.544
Ông Trần Thiên Hồng	122.322.776	118.263.070
Bà Trần Như Quỳnh	122.322.776	118.263.070
Ông Đinh Nhật Dương	122.322.776	118.263.070
Ban Giám đốc	1.458.319.645	1.565.783.428
Ông Nguyễn Trung Kiên	778.667.528	683.962.544
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	525.445.019	446.456.503
Ông Trịnh Tiến Sỹ (miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2023)	154.207.098	435.364.381
Ban kiểm soát	203.271.672	206.090.790
Ông Lê Cảnh Khánh (bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023)	271.986.779	-
Ông Vũ Chí Dương (miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023)	48.569.338	93.914.790
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	77.351.167	37.392.000
Bà Nguyễn Hoài Phương	77.351.167	74.784.000
	<u>3.079.213.952</u>	<u>2.810.625.972</u>

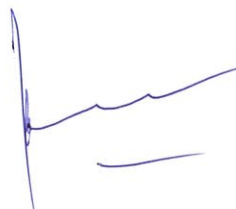
32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 301.896.950 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 93.727.273 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Ngọc Tuyên
 Người lập biểu



Trần Minh Nhất
 Phụ trách kế toán



Nguyễn Trung Kiên
 Giám đốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2024